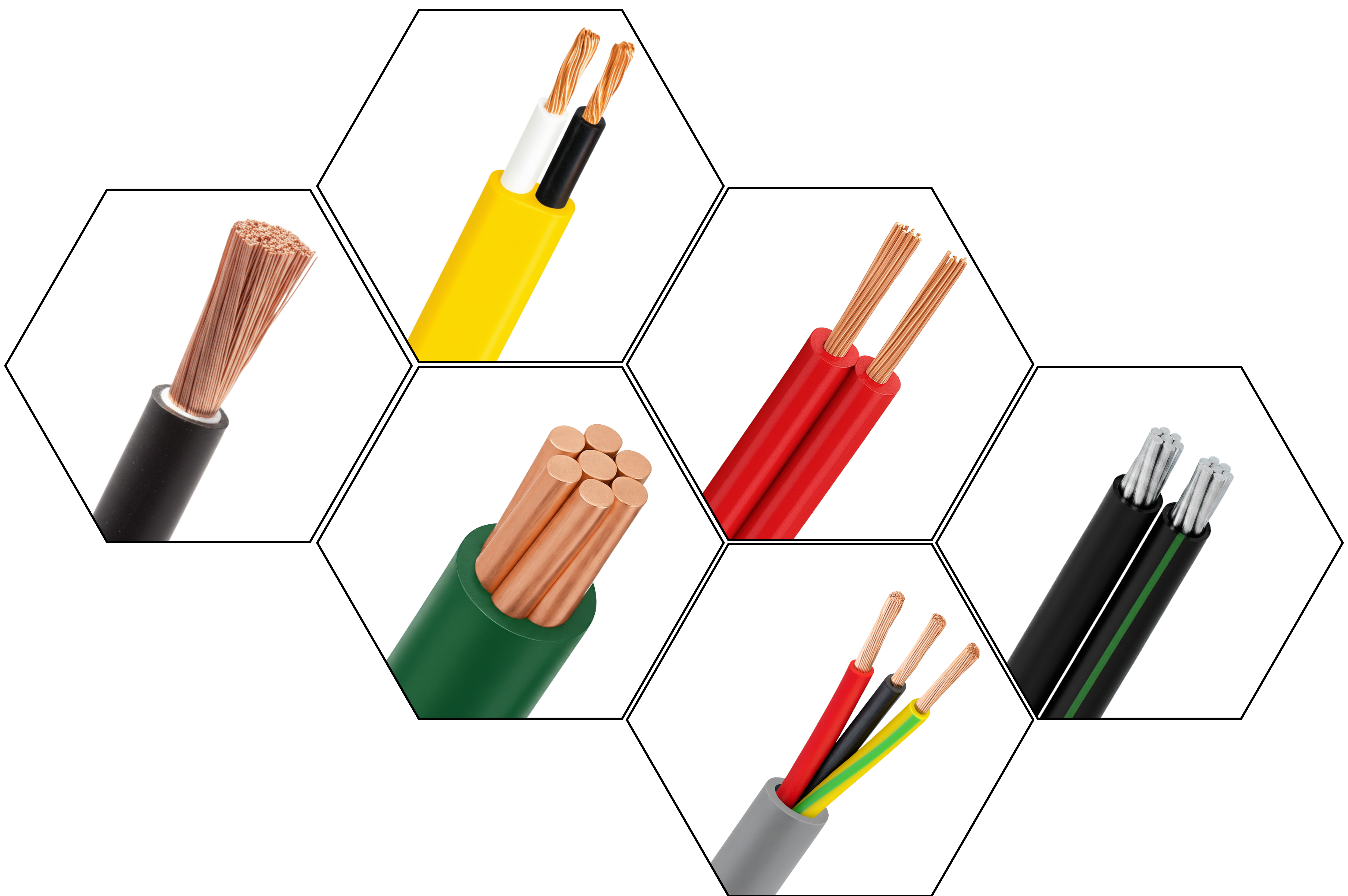


DÂY & CÁP ĐIỆN

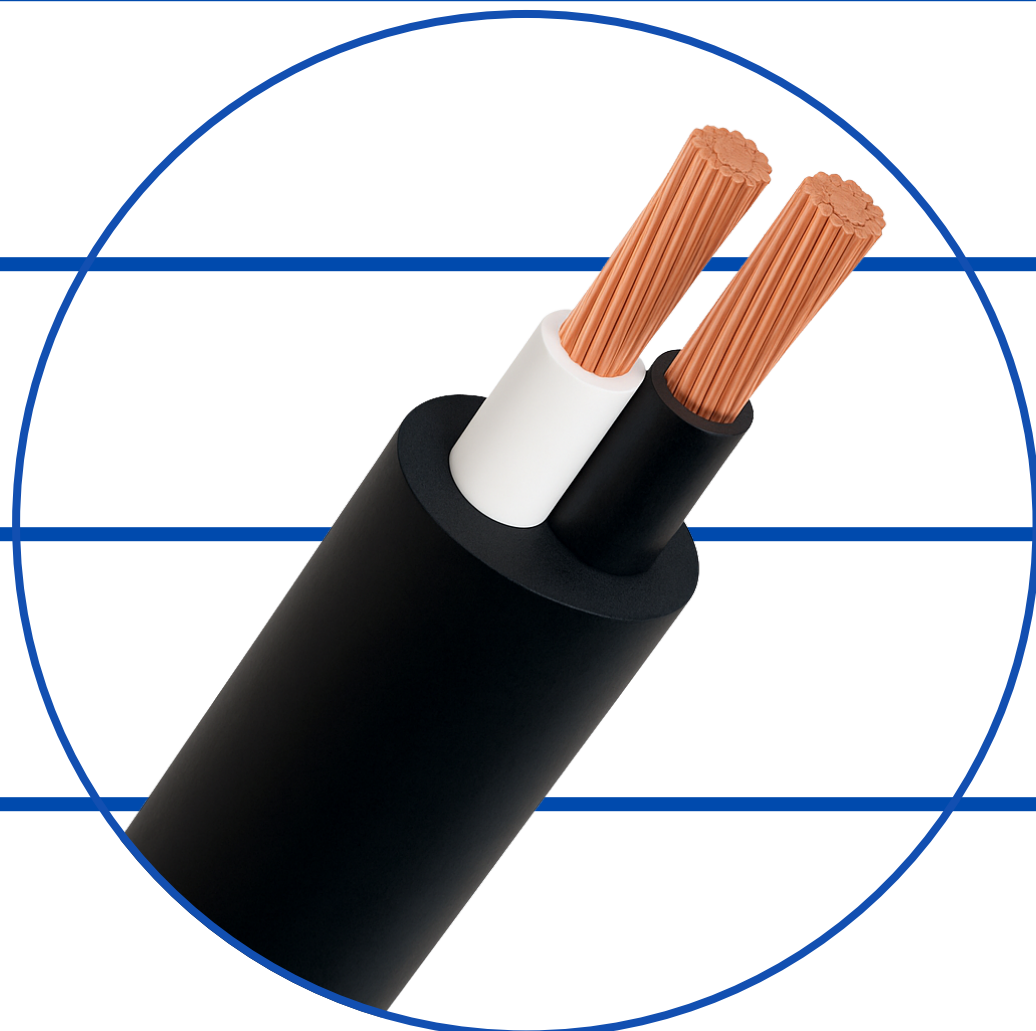
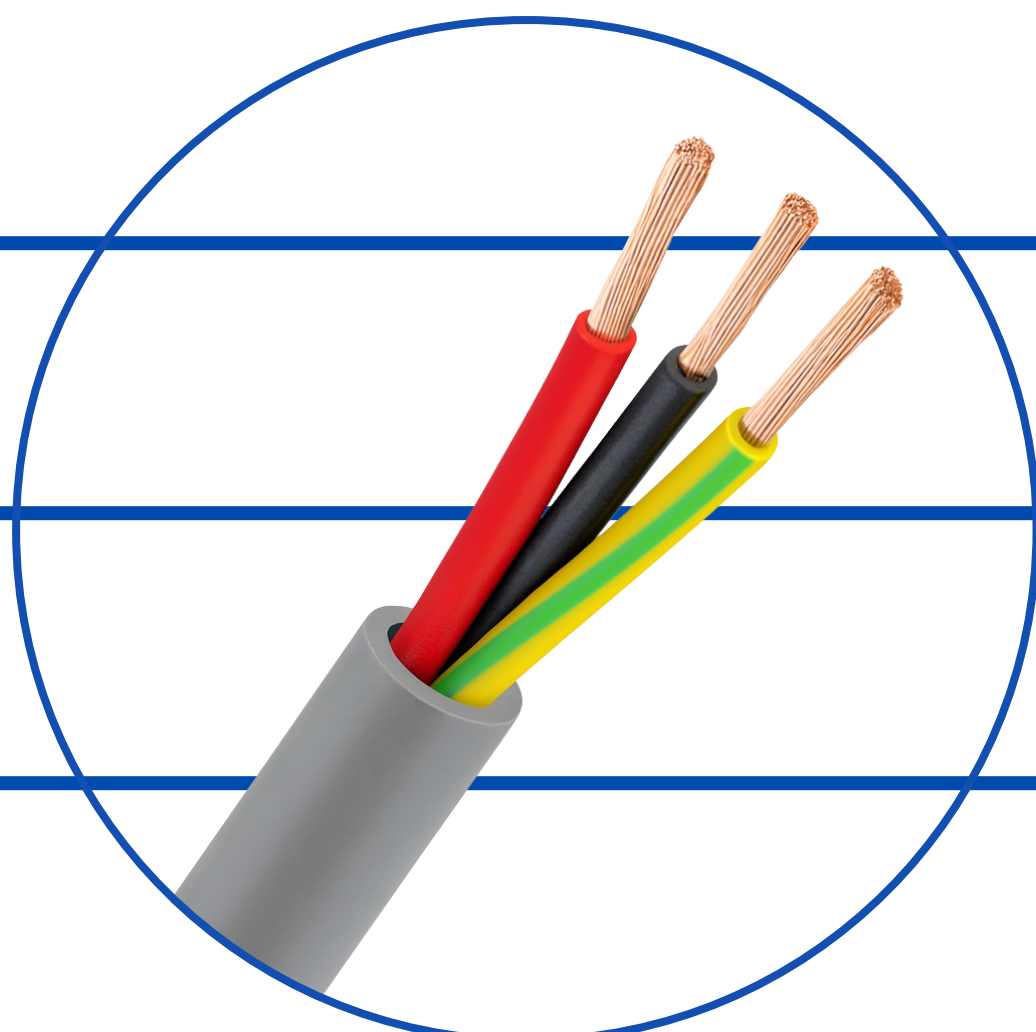
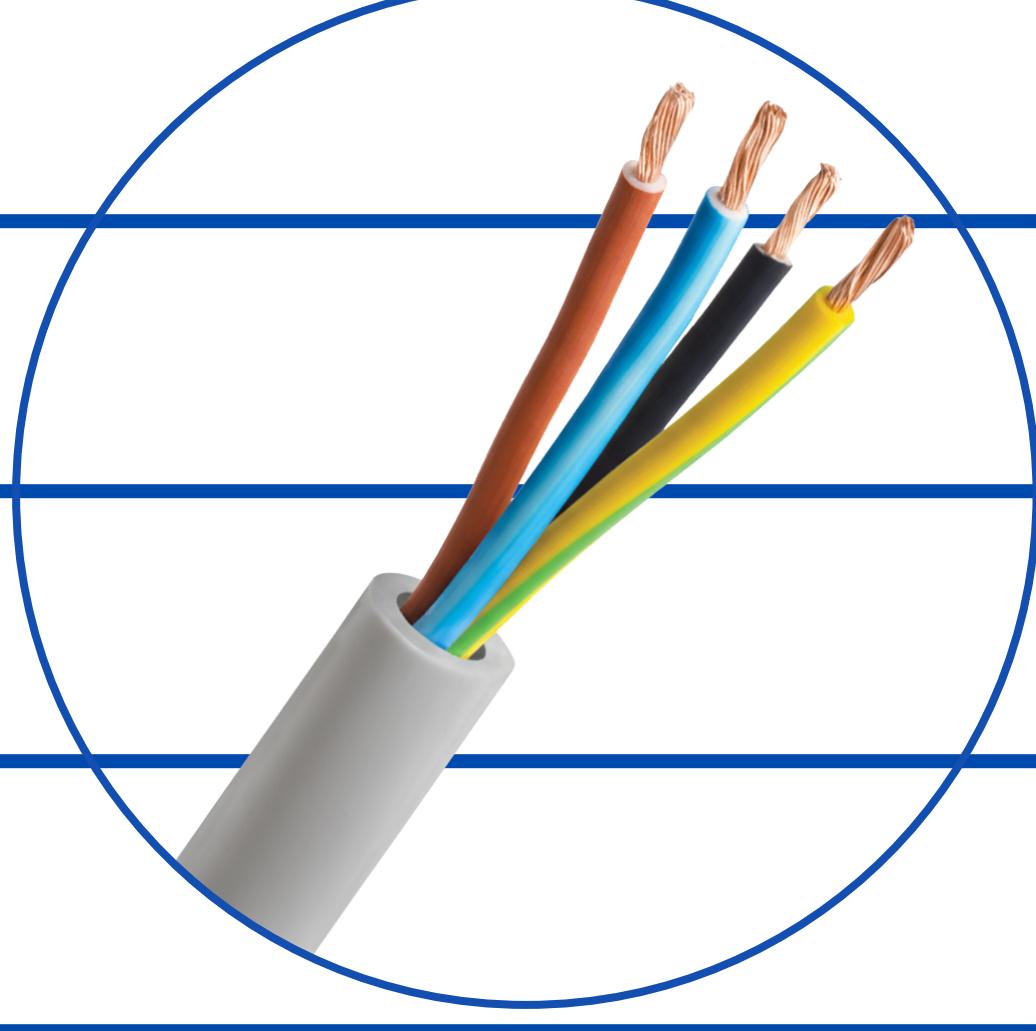
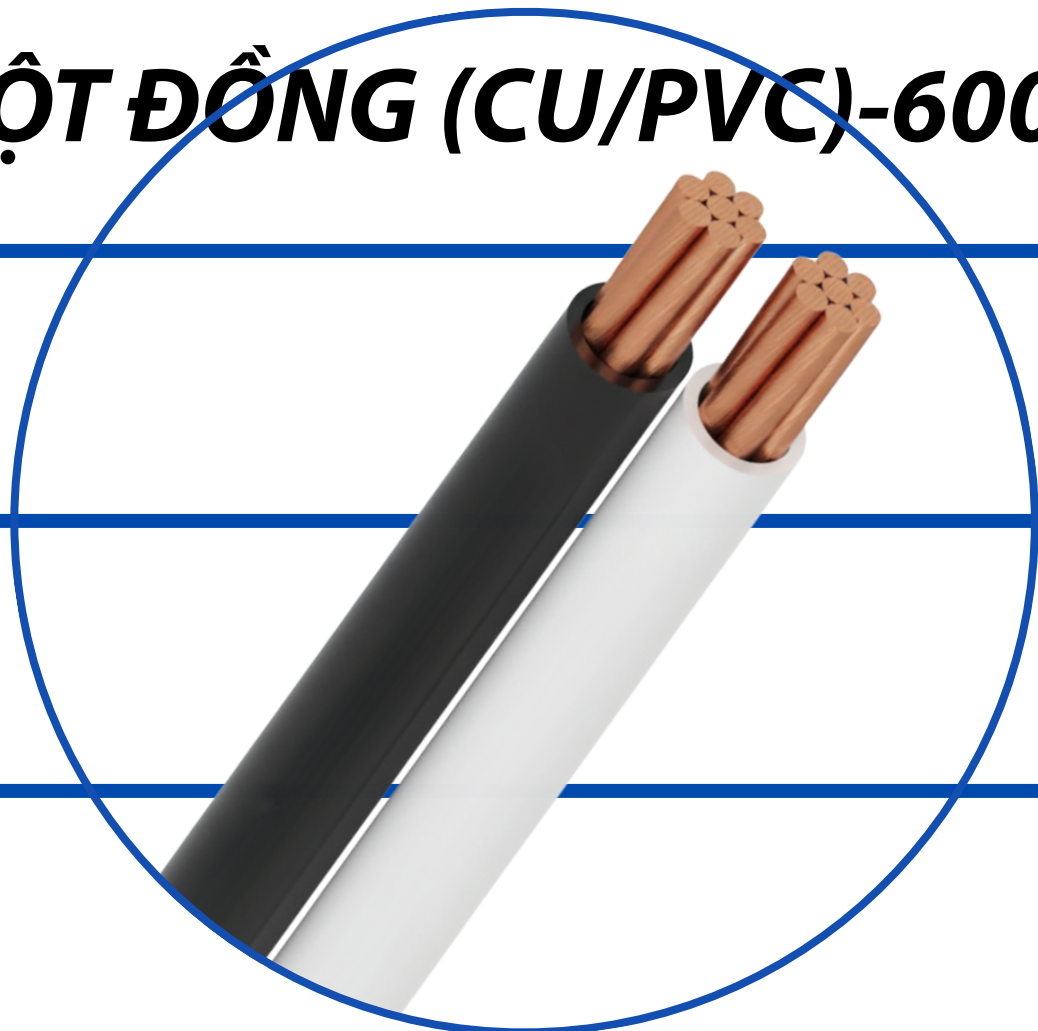
HY'SONG

BẢNG GIÁ



BẢNG GIÁ: HS260310

STT	TÊN GỌI SẢN PHẨM	ĐIỆN ÁP	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ
				ĐÃ BAO GỒM VAT 8%
I.DÂY CÁP ĐIỆN MỘT LỖI: RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC (CU/PVC)- 600V				
1	CV 1.5	600V	mét	5,900
2	CV 2.0	600V	mét	8,800
3	CV 2.5	600V	mét	11,000
4	CV 4.0	600V	mét	17,600
5	CV 6.0	600V	mét	22,800
6	CV 8.0	600V	mét	29,800
7	CV 10	600V	mét	40,200
II. DÂY ĐÔI MỀM CÁCH ĐIỆN PVC (CU/PVC)-300V				
1	2 x 16T	300V	mét	4,900
2	2 x 24T	300V	mét	6,800
3	2 x 32T	300V	mét	9,500
4	2 x 30T	300V	mét	13,700
5	2 x 50T	300V	mét	21,700
II. DÂY ĐÔI MỀM DẸP OVAN CÁCH ĐIỆN PVC (CU/PVC/PVC)-300V				
1	DEP 2×0.75	300V	mét	7,500
1	DEP 2×1.5	300V	mét	11,200
2	DEP 2×2.5	300V	mét	17,200
3	DEP 2×4.0	300V	mét	25,200
4	DEP 2×6.0	300V	mét	43,000

STT	TÊN GỌI SẢN PHẨM	ĐIỆN ÁP	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ	
				ĐÃ BAO GỒM VAT 8%	
IV. DÂY FA TRÒN MỀM (CU/PVC/PVC) 2 lõi, 3 lõi, 4 lõi -300V					
1	FA 2×1.0		300V	mét	10,000
2	FA 2×1.5		300V	mét	14,200
3	FA 2×2.5		300V	mét	20,300
4	FA 2×4.0		300V	mét	28,000
5	FA 2×6.0		300V	mét	43,200
6	FA 3×1.5		300V	mét	19,200
7	FA 3×2.5		300V	mét	28,200
8	FA 3×4.0		300V	mét	38,500
9	FA 3×6.0		300V	mét	60,500
10	FA 4×1.5		300V	mét	23,500
11	FA 4×2.5		300V	mét	35,500
12	FA 4×4.0		300V	mét	49,500
13	FA 4×6.0		300V	mét	77,500
V.CÁP DUPLEX 2 RUỘT ĐỒNG (CU/PVC)-600V					
1	DUPLEX 8.0		600V	mét	60,500
2	DUPLEX 11		600V	mét	84,200
3	DUPLEX 14		600V	mét	106,500
4	DUPLEX 16		600V	mét	142,000

STT	TÊN GỌI SẢN PHẨM	ĐIỆN ÁP	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ
				ĐÃ BAO GỒM VAT 8%
VI.DÂY CÁP HÀN (WELDING CABLE)- 0,6/1kV				
1	CH16	0,6/1kV	mét	69,500
2	CH25	0,6/1kV	mét	107,000
3	CH35	0,6/1kV	mét	149,000
4	CH50	0,6/1kV	mét	210,000
5	CH70	0,6/1kV	mét	282,500
6	CH95	0,6/1kV	mét	439,500
7	CH185	0,6/1kV	mét	855,360
VII.CÁP NHÔM VẶN XOẮN LV-ABC (0.6/1kV)				
1	LV-ABC 2C x 11	0,6/1kV	mét	13,000
2	LV-ABC 2C x 16	0,6/1kV	mét	17,000
3	LV-ABC 2C x 25	0,6/1kV	mét	25,000
4	LV-ABC 2C x 35	0,6/1kV	mét	33,000
5	LV-ABC 2C x 50	0,6/1kV	mét	43,500
VIII.DÂY ĐÔI VUÔNG MỀM CÁCH ĐIỆN PVC (CU/PVC)-300V				
1	VFF 2 x 0.5	300V	100m	478,800
2	VFF 2 x 0.75	300V	100m	667,800
3	VFF 2 x 1.0	300V	100m	907,200
4	VFF 2 x 1.5	300V	100m	1,257,500
5	VFF 2 x 2.5	300V	100m	2,255,400

STT	TÊN GỌI SẢN PHẨM	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ
			VAT 8%
IX.CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI (CU/PVC/PVC)			
1	VCT 2 x 0.5	mét	8,300
2	VCT 3 x 0.5	mét	11,100
3	VCT 4 x 0.5	mét	14,300
4	VCT 5 x 0.5	mét	17,800
5	VCT 6 x 0.5	mét	20,900
6	VCT 7 x 0.5	mét	24,200
7	VCT 8 x 0.5	mét	26,500
8	VCT 10 x 0.5	mét	33,200
9	VCT 2 x 0.75	mét	11,700
10	VCT 3 x 0.75	mét	15,700
11	VCT 4 x 0.75	mét	20,600
12	VCT 5 x 0.75	mét	25,800
13	VCT 6 x 0.75	mét	30,300
14	VCT 7 x 0.75	mét	34,800
15	VCT 8 x 0.75	mét	38,300
16	VCT 10 x 0.75	mét	47,600



HY'SONG

